

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



TIỂU LUẬN THIẾT KẾ WEB
XÂY DỰNG WEBSITE ZALO

Giảng viên hướng dẫn: NGUYỄN MAI HUY

Sinh viên thực hiện: NGUYỄN KIM BẢO

MSSV: 2100006029

Chuyên ngành: Trí tuệ nhân tạo

Môn học: Thiết kế web

Khóa: 2021

TP.HCM, tháng 9 năm 2022

LỜI MỞ ĐẦU

Nhiều năm trở lại đây, nhiều người dần nhận thấy Internet là một phần quan trọng, không thể thiếu trong cuộc sống. Internet đã trở nên quen thuộc với nhiều người, đặc biệt là các bạn trẻ. Sự xuất hiện của mạng xã hội Facebook, Tiktok, YouTube,... hay một số trang thương mại điện tử nổi tiếng hiện giờ như Lazada, Tiki,... đã thay đổi cách thức làm việc và trao đổi thông tin của mọi người, thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của xã hội. Internet là một kho tàng thông tin đồ sộ, chứa đựng vô vàn kiến thức và được phân tán khắp nơi trên thế giới. Các dịch vụ Internet ngày càng đa dạng và dễ sử dụng, giúp ích cho con người đặc biệt trong nhiều lĩnh vực như: y tế, giáo dục, quốc phòng-an ninh,...

Để hiểu rõ hơn về Internet, cũng như lịch sử ra đời phát triển, thành phần cấu trúc cấu tạo nên hệ thống mạng Internet, hay kiến thức về hàng loạt các ngôn ngữ, thư viện, framework cốt lõi giúp hệ thống Internet trở nên phổ biến như ngày nay như HTML, Javascript, CSS,... Hôm nay, em xin trình bày tất cả chúng thông qua tiểu luận học phần này. Song song đó, em sẽ áp dụng những kiến thức đã học để tự xây dựng website dựa trên mẫu sẵn có.

LỜI CẢM ƠN

Trong thời gian làm đồ án môn học này, em đã nhận được nhiều sự giúp đỡ, đóng góp ý kiến và chỉ bảo nhiệt tình của thầy cô, gia đình và bạn bè. Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến thầy Nguyễn Mai Huy, giảng viên bộ môn Thiết kế Web-Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, người đã hướng dẫn, cung cấp cho em nhiều kiến thức bổ ích trong suốt quá trình làm đồ án môn học.

Tuy nhiên, trong quá trình làm đồ án do kiến thức của em còn nhiều hạn chế nên không thể tránh khỏi một vài sơ suất, thiếu sót khi trình bày và đánh giá vấn đề. Rất mong nhận được sự góp ý, đánh giá của thầy cô để đề tài của em thêm hoàn thiện hơn.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH
TRUNG TÂM KHẢO THÍ

KỲ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
HỌC KỲ NĂM HỌC -

PHIẾU CHẤM THI TIỂU LUẬN

Môn thi: Lớp học phần:

Nhóm sinh viên thực hiện :

1. Tham gia đóng góp:.....
2. Tham gia đóng góp:.....
3. Tham gia đóng góp:.....
4. Tham gia đóng góp:.....
5. Tham gia đóng góp:.....
6. Tham gia đóng góp:.....
7. Tham gia đóng góp:.....
8. Tham gia đóng góp:.....

Ngày thi: Phòng thi:.....

Đề tài tiểu luận/báo cáo của sinh viên :

Phản đánh giá của giảng viên (căn cứ trên thang rubrics của môn học):

| Tiêu chí (theo CDR HP) | Đánh giá của GV | Điểm tối đa | Điểm đạt được |
|---------------------------|-----------------|-------------|---------------|
| Cấu trúc của báo cáo | | | |
| Nội dung | | | |
| - Các nội dung thành phần | | | |
| - Lập luận | | | |
| - Kết luận | | | |
| Trình bày | | | |
| TỔNG ĐIỂM | | | |

Giảng viên chấm thi
(ký, ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

| | |
|--|-----------|
| CHƯƠNG I: TỔNG HỢP KIẾN THỨC ĐÃ HỌC | 1 |
| 1.1 Internet và World Wide Web | 1 |
| 1.1.1 Tổng quan | 1 |
| 1.1.2 Lịch sử phát triển của Internet | 1 |
| 1.1.3 Ưu, nhược điểm của Internet | 1 |
| 1.2 Tổng quan một số thư viện, ngôn ngữ, framework dùng để thiết kế website .. | 2 |
| 1.2.1 HTML | 2 |
| 1.2.2 CSS | 6 |
| 1.2.3 JavaScript | 9 |
| 1.2.4 Bootstrap | 10 |
| 1.2.5 JQuery | 13 |
| CHƯƠNG II: PHÂN TÍCH CẤU TRÚC VÀ XÂY DỰNG WEBSITE | 18 |
| 2.1 Giao diện các trang | 18 |
| 2.2 Cấu trúc lưu trữ | 20 |
| 2.3 Cấu trúc trang web | 21 |
| 2.3.1 Trang chủ | 21 |
| 2.3.2 Tính năng | 24 |
| 2.3.3 Bảo mật | 25 |
| 2.3.4 Liên hệ | 26 |
| 2.3.5 Báo cáo vi phạm | 27 |
| CHƯƠNG III: MÔ TẢ KỊCH BẢN SỬ DỤNG ĐỐI VỚI WEBSITE | 29 |
| 3.1 Nhu cầu người dùng | 29 |
| 3.1.1 Tải Zalo cho PC | 29 |
| 3.1.2 Truy cập Zalo trực tiếp trên web | 30 |
| 3.1.3 Tìm hiểu sơ lược tính năng | 31 |

| | |
|---|-----------|
| 3.1.4 Truy cập OFFICIAL ACCOUNT chính thống | 32 |
| 3.1.5 Truy cập trang dành cho nhà phát triển..... | 34 |
| 3.1.6 Đọc các điều khoản bảo mật..... | 35 |
| 3.1.7 Đọc thông tin liên hệ | 37 |
| CHƯƠNG IV: KẾT LUẬN..... | 39 |
| 4.1 Kết quả đạt được | 39 |
| 4.2 Vấn đề tồn đọng..... | 39 |
| 4.3 Hướng khắc phục | 39 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | 40 |

DANH MỤC BẢNG

| | |
|---|----|
| Bảng 1.1: Lịch sử phát triển của HTML | 3 |
| Bảng 1.2: Lịch sử phát triển của JQuery | 14 |

DANH MỤC HÌNH

| | |
|--|----|
| Hình 1.1: Cú pháp tham chiếu DOM Selectors | 7 |
| Hình 1.2: Cú pháp tham chiếu Pseudo Selectors | 7 |
| Hình 1.3: Cú pháp tham chiếu Combinator Selectors..... | 8 |
| Hình 1.4: Kích thước các vùng chứa..... | 12 |
| Hình 1.5: 6 cấp lưới được Bootstrap 5 hỗ trợ | 13 |
| Hình 1.6: Thiết kế Menu đơn giản dùng Bootstrap Navbar..... | 13 |
| Hình 1.7: Thiết kế Menu dùng Bootstrap Navbar có Dropdown..... | 13 |
| Hình 1.8: Cú pháp tham chiếu thư viện jQuery | 16 |
| Hình 1.9: Cú pháp JQuery đơn giản..... | 17 |
| Hình 2.1: Trang chủ | 18 |
| Hình 2.2: Trang tính năng | 19 |
| Hình 2.3: Trang bảo mật | 19 |
| Hình 2.4: Trang liên hệ | 20 |
| Hình 2.5: Trang báo cáo vi phạm..... | 20 |
| Hình 2.6: Sơ đồ tổ chức thư mục website | 21 |
| Hình 2.7: Trang chủ | 21 |
| Hình 2.8: Thanh Menu | 22 |
| Hình 2.9: Nội dung của trang chủ | 24 |
| Hình 2.10: Nội dung của trang tính năng..... | 25 |
| Hình 2.11: Nội dung của trang bảo mật..... | 26 |
| Hình 2.12: Nội dung của trang Liên hệ..... | 27 |
| Hình 2.13: Nội dung của trang Báo cáo vi phạm..... | 28 |

| | |
|---|----|
| Hình 3.1: Liên kết website | 29 |
| Hình 3.2: Nút tải ngay | 29 |
| Hình 3.3: Tập tin cài đặt đã được tải về máy | 30 |
| Hình 3.4: Liên kết website | 30 |
| Hình 3.5: Nút chuyển hướng dùng Zalo trực tiếp trên trình duyệt | 30 |
| Hình 3.6: Liên kết chuyển hướng chat.zalo.me | 31 |
| Hình 3.7: Liên kết website | 31 |
| Hình 3.8: Người dùng click chọn mục Tính năng..... | 32 |
| Hình 3.9: k/t mục Tính năng và liên kết chuyển hướng là chính xác | 32 |
| Hình 3.10: Liên kết website | 33 |
| Hình 3.11: Người dùng chọn mục OFFICIAL ACCOUNT | 33 |
| Hình 3.12: k/t liên kết đã chuyển hướng là chính xác..... | 34 |
| Hình 3.13: Liên kết website | 34 |
| Hình 3.14: Người dùng click chọn mục Nhà phát triển | 35 |
| Hình 3.15: k/t liên kết đã chuyển hướng là chính xác..... | 35 |
| Hình 3.16: Liên kết website | 36 |
| Hình 3.17: Người dùng click chọn mục Bảo mật..... | 36 |
| Hình 3.18: k/t mục Bảo mật và liên kết đã chuyển hướng là chính xác | 37 |
| Hình 3.19: Liên kết website | 37 |
| Hình 3.20: Người dùng click chọn mục Liên hệ..... | 38 |
| Hình 3.21: k/t mục Liên hệ và liên kết đã chuyển hướng là chính xác..... | 38 |

KÍ HIỆU CÁC CỤM TỪ VIẾT TẮT

| Chữ viết tắt | Ý nghĩa |
|--------------|------------------------------------|
| ASP.NET | Active Server Pages .NET |
| CDN | Content Delivery Network |
| col | Cột |
| CSS | Cascading Style Sheets |
| DOM | Document Object Model |
| HTML | Hypertext Markup Language |
| HTTP | HyperText Transfer Protocol |
| HTTPS | HyperText Transfer Protocol Secure |
| IDE | Integrated Development Environment |
| IP | Internet Protocol |
| ISP | Internet Services Provider |
| k/t | Kiểm tra |
| PHP | PHP: Hypertext Preprocessor |

CHƯƠNG I: TỔNG HỢP KIẾN THỨC ĐÃ HỌC

1.1 Internet và World Wide Web

1.1.1 Tổng quan

Internet là một hệ thống thông tin toàn cầu có thể được truy nhập công khai, gồm các mạng máy tính được liên kết với nhau. Hệ thống này cho phép truyền thông tin theo kiểu Packet Switching dựa trên giao thức liên mạng đã được chuẩn hóa có tên: "giao thức IP".

Có thể nói, Internet là mạng máy tính khổng lồ, được tạo thành dựa trên sự gia nhập của rất nhiều mạng máy tính của các doanh nghiệp, các viện nghiên cứu, các trường đại học, các tổ chức, chính phủ và của các cá nhân trên toàn thế giới.

Chính vì sự bùng nổ của Internet mà từ đó đã nảy sinh ra một thuật ngữ quan trọng không kém đó chính là World Wide Web. Vậy ta hiểu World Wide Web (WWW) là gì?

World Wide Web còn được gọi tắt là Web (hay WWW), được xem là "không gian thông tin toàn cầu" mà mọi người có thể truy cập qua các máy tính có kết nối với mạng Internet. Thuật ngữ World Wide Web (WWW) được phát minh và đưa vào sử dụng vào khoảng năm 1990, 1991 bởi viện sĩ Viện Hàn lâm Anh Tim Berners Lee và Robert Cailliau (Bi) tại CERN, Geneva, Switzerland.

1.1.2 Lịch sử phát triển của Internet

Thuật ngữ "Internet" xuất hiện lần đầu vào khoảng năm 1974 (tại thời điểm này, tên gọi chính thức vẫn được gọi là ARPANET). Cho đến năm 1983, giao thức TCP/IP chính thức được coi như một tiêu chuẩn đối với ngành quân sự Mỹ, và tất cả các máy tính thực hiện kết nối với ARPANET đều bắt buộc phải sử dụng chuẩn mới này.

Cùng với sự phát triển ngày càng lớn mạnh mà ngày nay chúng ta có một số khái niệm quan trọng liên quan đến cấu trúc của mạng Internet gồm :ISP, IP Address, Domain name, Hosting, Search Engine, Web Page, ...

1.1.3 Ưu, nhược điểm của Internet

Ưu điểm :

- + Dễ dàng tiếp cận thông tin, học hỏi thêm nhiều kỹ năng cho bản thân
- + Cho phép giao tiếp với mọi người ở bất kỳ nơi nào trên thế giới theo thời gian thực
- + Việc học từ xa giờ đây trở nên dễ dàng hơn
- + Cung cấp nhiều hình thức giải trí
- + Giúp công ty quảng bá nhiều sản phẩm, thu hút thêm nhiều khách hàng, tăng thêm thu nhập cho công ty

Nhược điểm:

Bên cạnh những mặt tốt mà Internet mang lại thì Internet cũng là môi trường với nhiều mặt hại nếu ta không sử dụng đúng cách.

- + Dễ rò rỉ, lấy cắp thông tin cá nhân
- + Nội dung thiếu tính chính xác
- + Hạn chế giao tiếp xã hội

1.2 Tổng quan một số thư viện, ngôn ngữ, framework dùng để thiết kế website

Để Internet phát triển bùng nổ vũ bão như ngày nay đều có sự góp mặt của nhiều loại thành phần, ngôn ngữ, giao thức quan trọng cấu tạo nên. Đặc biệt sự xuất hiện của hàng loạt website đã góp một phần không nhỏ trong đó. Trước đây, nhiều người chỉ xem web là nơi để hiển thị văn bản, là một nơi nhàm chán, kém hấp dẫn. Nhưng kể từ khi xuất hiện nhiều thành phần, ngôn ngữ khác nhau,... đã làm cho trang web ngày nay càng ngày càng hấp dẫn, bắt mắt đối với người xem, trở thành một phần không thể thiếu trên môi trường Internet. Dưới đây là một số thành phần cơ bản cấu tạo nên "xương sống" của website.

1.2.1 HTML

1.2.1.1 Khái niệm

HTML là viết tắt của cụm từ Hypertext Markup Language (tạm dịch là Ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản) được sử dụng để tạo và cấu trúc các thành phần trong trang web hoặc ứng dụng, phân chia các đoạn văn, heading, titles, blockquotes... và HTML không phải là ngôn ngữ lập trình.

Để tạo một tập tin HTML, người ta có thể sử dụng bất cứ phần mềm soạn thảo văn bản nào để biên tập nội dung theo cú pháp trình bày của ngôn ngữ HTML

HTML được biểu diễn thông qua các tag (từ khóa) quy định gọi là HTML Tags

1.2.1.2 HTML Tags

- + Các từ khóa (HTML Tags) phải luôn nằm trong cặp kí hiệu < và >
- + Các tag luôn tồn tại theo từng cặp, bắt đầu bởi thẻ mở (Start tag) và kết thúc bởi thẻ đóng (end tag).
- + Các thẻ HTML hoàn toàn có thể sử dụng lồng nhau (Nested tags)
- + Để tăng khả năng nhận biết cũng như trình bày dữ liệu, có thể sử dụng thuộc tính (attributes) cho Tags
- + Có thể tự định nghĩa một hay nhiều HTML Tag

1.2.1.3 Lịch sử phát triển

HTML được tạo ra bởi Tim Berners-Lee, một nhà vật lý học của trung tâm nghiên cứu CERN ở Thụy Sĩ. Hiện nay, HTML đã trở thành một chuẩn Internet được tổ chức W3C (World Wide Web Consortium) vận hành và phát triển.

| Phiên bản | Năm công bố |
|-----------|-------------|
| HTML | 1991 |
| HTML+ | 1993 |
| HTML 2.0 | 1995 |
| HTML 3.2 | 1997 |
| HTML 4.01 | 1999 |
| XHTML | 2000 |
| HTML5 | 2012 |

| | |
|-------|-----|
| HTML6 | ... |
|-------|-----|

Bảng 1.1: Lịch sử phát triển của HTML

1.2.1.4 Thành phần cấu trúc

Mỗi một tập tin HTML được gọi là HTML Document.

Một Web Page gọi là một trang web. Một website sẽ có nhiều trang web liên kết với nhau

Một Website thường chứa nhiều trang con và mỗi trang con này lại có một tập tin HTML riêng. HTML chỉ có tác dụng bố cục và định dạng trang web.

HTML khi kết hợp với CSS và JavaScript sẽ trở thành một nền tảng vững chắc cho thế giới mạng.

1.2.1.5 Cách thức hoạt động:

Trình duyệt web hiện hành như Google Chrome, Firefox, Safari,... sẽ đọc các file HTML và render chúng thành dạng DOM Document, khởi tạo cấu trúc DOM Tree tương ứng với các thành phần và hiển thị lên màn hình ở dạng nội dung visual sao cho người dùng có thể xem và hiểu được chúng.

HTML Document được truyền tải thông qua giao thức http (Hypertext Transfer Protocol) hoặc https (Hypertext Transfer Protocol Secure)

1.2.1.6 Ưu, nhược điểm

Ưu điểm:

- + Học HTML rất đơn giản.
- + Hoạt động mượt mà, ổn định trên hầu hết mọi trình duyệt hiện nay.
- + Các tag sử dụng trong HTML thường ngắn gọn, có độ đồng nhất cao.
- + Mã nguồn mở, hoàn toàn miễn phí.
- + Dễ dàng để tích hợp với các loại ngôn ngữ backend (ví dụ: PHP, Node.js,...).

Nhược điểm:

Bên cạnh ưu điểm, HTML cũng có một số nhược điểm nhất định. Cụ thể:

- + Chỉ được áp dụng chủ yếu cho web tĩnh (static web). Nếu muốn tạo các tính năng động phải dùng thêm JavaScript hoặc ngôn ngữ Backend của bên thứ 3.
- + Mỗi trang HTML cần được tạo riêng biệt, ngay cả khi có nhiều yếu tố trùng lặp giữa các trang
- + Khó kiểm soát lỗi cũng như cách đọc và hiển thị file HTML của trình duyệt.

1.2.1.7 Cách sử dụng

a/ Cấu trúc tệp

Một tệp tin HTML luôn luôn tồn tại các thành phần sau :

- + Cặp thẻ `<html>` và `</html>` phải luôn xuất hiện ở đầu và cuối tệp để xác định vị trí bắt đầu, kết thúc của tệp HTML
- + Xác định phần đầu trang thông qua cặp thẻ `<head>` và `</head>`
- + Xác định phần thân trang thông qua cặp thẻ `<body>` và `</body>`

b/ Các Tags cơ bản

Dùng cho tiêu đề : `<h1>`, `<h2>` ... `<h6>`

Mô tả đoạn văn: `<p>`, `
`

Mô tả một phần văn bản: ``

Giữ nguyên nội dung: `<pre>`

Tạo đường kẻ ngang: `<hr/>`

Định dạng kiểu chữ: ``, `<i>`, ...

Chèn hình ảnh, video, âm thanh: ``, `<video>`, `<audio>`

Thêm liên kết: `<a>`

Nhúng trang web khác: `<iframe>`

Tạo danh sách: `` và ``

.../

c/ Một số nguyên tắc cần chú ý

- + Luôn luôn sử dụng thẻ định dạng theo từng cặp.
- + Để tăng khả năng trình bày cho các Tag, có thể sử dụng thuộc tính (Attribute) .
- + Thuộc tính phải sử dụng trong thẻ lệnh, luôn tồn tại theo từng cặp dạng key= "value"
- + Không sử dụng chữ hoa đối với tên Tag
- + Chỉ sử dụng chữ cái hoặc số để đặt tên cho tệp tin HTML, tuyệt đối không dùng chữ cái tiếng việt hoặc ký tự đặc biệt khác

1.2.2 CSS

1.2.2.1 Khái niệm

CSS là viết tắt của cụm từ Cascading Style Sheets là một ngôn ngữ được sử dụng để tìm và định dạng lại các phần tử được tạo bởi ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản (HTML).

Để tạo tệp tin CSS cần sử dụng một số IDE (Integrated Development Environment) phổ biến như : Notepad++, Visual Studio, Sublime Text, ... hoặc sử dụng trình soạn thảo có sẵn của Windows như: Notepad, Wordpad.

CSS sử dụng Selector để tham chiếu đến thành phần HTML.

1.2.2.2 Selector

a/ Khái niệm

Selector là công cụ dùng để xác định, tham chiếu đến phần tử cụ thể của trang web, phục vụ cho việc nhận dạng chính xác các đối tượng mà người dùng muốn trang web tác động.

Selector được chia làm 2 nhóm chính:

- + Universal selector: đây là selector đặc biệt, cho phép khai báo để dùng chung mã định dạng đối với tất cả các thành phần trên tài liệu. Sử dụng dấu "*" để khai báo.
- + Group selector: là các selector nhằm phục vụ cho việc áp dụng chung định dạng đối với nhiều thành phần trên trang web cùng lúc. Sử dụng dấu "," để liệt kê các thành phần.

b/ Phân loại

Selector theo đối tượng (DOM Selectors)

Là các selector gán mã CSS bằng cách tham chiếu đến các thành phần HTML

```
/* Tham chiếu bằng HTML Tags */

p {color: red;}

/* Tham chiếu bằng class */

.TenClass {
    font-size: 12px;
    color: purple;
}

/* Tham chiếu bằng id */

#TenID {
    background-color: palegreen;
    width: 100%;
    display: block;
}

/* Tham chiếu bằng thuộc tính (Attribute) */

input[type=text] {
    font-size: 16px;
    border: none;
    background-color: chocolate;
}
```

Hình 1.1: Cú pháp tham chiếu DOM Selectors

- Selector theo quy luật xuất hiện (Pseudo Selectors)

```
/* Tham chiếu theo quy luật xuất hiện */

p::before {color: red;}

p::after {color: chocolate;}
```

Hình 1.2: Cú pháp tham chiếu Pseudo Selectors

- Selector tập hợp các thành phần có quan hệ với nhau (Combinator selectors)

```
/* Tham chiếu dựa trên các thành phần có quan hệ với nhau */  
  
div > p {color: green;} |  
  
div p {color: chocolate;}  
  
.TenClass + p {font-size: 17px;}
```

Hình 1.3: Cú pháp tham chiếu Combinator Selectors

1.2.2.3 Lịch sử phát triển

Cascading Style Sheet (Gọi tắt là CSS) được W3C (World Wide Web Consortium) giới thiệu vào năm 1996, như một giải pháp nhằm khắc phục cho những nhược điểm về trình bày đối với các tài liệu HTML trên trình duyệt.

1.2.2.4 Cách thức hoạt động

Ngôn ngữ CSS sẽ định dạng các dữ liệu do HTML tạo ra nhằm phục vụ cho việc thể hiện dữ liệu trên các trang web sao cho sinh động mà không làm mã HTML trở nên phức tạp.

HTML và CSS là 2 ngôn ngữ không thể tách rời nhau.

1.2.2.5 Ưu, nhược điểm

Ưu điểm:

- + Khả năng tái sử dụng mã, làm giảm đáng kể công sức của lập trình viên.
- + Việc tách biệt giữa mã định dạng CSS và HTML thể hiện tính chuyên nghiệp hoá trong việc quản lý và xây dựng mã nguồn.
- + Cung cấp khả năng đồng bộ trong việc thể hiện dữ liệu theo tổng thể chương trình.
- + Khả năng tương thích trên nhiều thiết bị.
- + Dễ dàng kiểm soát lỗi thông qua công cụ Kiểm tra phần tử (Inspect Elements) có sẵn trên trình duyệt

Nhược điểm:

- + Khá khó khăn cho người mới học.

- + Hỗ trợ trình duyệt không nhất quán.
- + Lạm dụng CSS có thể làm giảm hiệu suất trang web.
- + Không có khả năng "co dãn" để phù hợp với độ phân giải của từng thiết bị khác nhau

1.2.2.6 Cách sử dụng

a/ Phương pháp tham chiếu

Để sử dụng mã định dạng CSS kết hợp với HTML, ta có các hình thức tham chiếu:

- + Inline CSS: Đính kèm trực tiếp trên HTML Tags bằng thuộc tính style="value"
- + Internal CSS: Tham chiếu CSS bằng cặp thẻ <style>, </style> đặt trong cặp tag <head>, </head>
- + External CSS: Tham chiếu CSS thông qua tệp CSS bằng cách khai báo vị trí tệp chứa mã CSS trong cặp tag <link>, </link> đặt trong phần <head>, </head>
- Trình duyệt sẽ tự động tham chiếu CSS, nếu có thuộc tính trùng lặp, các trình duyệt sẽ áp dụng thuộc tính được sắp xếp theo tuần tự như sau:

Inline CSS > Internal CSS > External CSS

- Các thuộc tính định dạng trong CSS sẽ được tham chiếu với HTML thông qua Selectors

1.2.3 JavaScript

1.2.3.1 Khái niệm

Javascript là một ngôn ngữ lập trình kịch bản dựa vào đối tượng phát triển có sẵn hoặc tự định nghĩa. Nó được sử dụng rộng rãi trong các ứng dụng Website và được hỗ trợ hầu như trên tất cả các trình duyệt hiện hành như Firefox, Chrome, ... trên nhiều thiết bị khác nhau.

Nhiệm vụ của Javascript là xử lý những đối tượng HTML trên trình duyệt. Nó có thể can thiệp với các hành động như thêm / xóa / sửa các thuộc tính CSS và các thẻ HTML một cách dễ dàng.

Để có thể tạo tập tin Javascript, bạn cần sử dụng một số IDE (Integrated Development Environment) phổ biến như : Notepad++, Visual Studio, Sublime Text, ... hoặc trình soạn thảo văn bản của Windows như: Notepad, Wordpad

Phần mở rộng của tệp tin Javascript là : .js

1.2.3.2 Lịch sử phát triển

Javascript được phát triển bởi Brendan Eich tại Netscape Communication với cái tên đầu tiên Mocha, sau đó đổi tên thành LiveScript. Nó được thiết kế như một nỗ lực để làm cho các trang web trở nên dễ tương tác hơn. Tên này đã được thay đổi chỉ vài tháng sau khi ra mắt thành JavaScript và giờ đây nó đã trở nên cần thiết cho các trang web và được cho là ngôn ngữ lập trình hàng đầu trên thế giới.

1.2.3.3 Cách thức hoạt động

JavaScript thường được nhúng trực tiếp vào một trang web hoặc được tham chiếu qua file .js riêng. Nó là ngôn ngữ phía client, tức là script được tải về máy của khách truy cập và được xử lý tại đó thay vì xử lý trực tiếp tại server

1.2.3.4 Ưu, nhược điểm

Ưu điểm:

- + Không cần một compiler vì trình duyệt có thể tự biên dịch nó bằng HTML.
- + Khả năng phát hiện lỗi nhanh và dễ sửa.
- + Có thể gắn trên một số element của trang web hay event của trang web.
- + Hoạt động trên nhiều trình duyệt, nền tảng, tương thích nhiều thiết bị khác nhau.

Nhược điểm:

- + Dễ bị khai thác và thực thi mã độc trên máy tính người dùng
- + Mức độ triển khai trên từng thiết bị là không đồng nhất
- + Khó khăn khi sử dụng đối với người chưa từng lập trình

1.2.4 Bootstrap

1.2.4.1 Khái niệm

Bootstrap là một Front-end framework miễn phí cung cấp các mẫu thiết kế dựa trên HTML và CSS như typography, forms, buttons, tables, navigation, modals, image carousels... cũng như các plugin JavaScript tùy chọn giúp quá trình xây dựng, phát triển web trở nên nhanh chóng và dễ dàng hơn.

Cung cấp khả năng tạo ra các Responsive Designs một cách dễ dàng

1.2.4.2 Responsive Design

Responsive Design nghĩa là website sẽ tự động điều chỉnh kích thước để hiển thị vừa vặn trên tất cả các thiết bị, từ màn hình của điện thoại nhỏ đến máy tính có màn hình lớn.

1.2.4.3 Lịch sử phát triển

Bootstrap được phát triển bởi Mark Otto và Jacob Thornton tại Twitter, và phát hành như một sản phẩm nguồn mở vào tháng 8 năm 2011 trên GitHub. Tháng 6 năm 2014, Bootstrap là No.1 project trên GitHub.

1.2.4.4 Vì sao nên dùng Bootstrap ?

Dễ sử dụng: Bất kỳ ai có kiến thức cơ bản về HTML và CSS đều có thể bắt đầu sử dụng Bootstrap.

Khả năng "co giãn": phù hợp với nhiều kích thước màn hình khác nhau.

Cách tiếp cận Mobile-first: Trong Bootstrap, mobile-first styles là một phần của core framework.

Khả năng tương thích trình duyệt: Bootstrap tương thích với tất cả các trình duyệt hiện nay (Chrome, Firefox, Edge, Safari, ...).

1.2.4.5 Nơi để có được Bootstrap

Nếu bạn muốn tải xuống và lưu trữ Bootstrap, hãy truy cập getbootstrap.com và làm theo hướng dẫn tại đó.

Nếu bạn muốn trải nghiệm tốc độ truy cập Bootstrap nhanh chóng từ mọi nơi trên thế giới, hãy sử dụng CDN (Content Delivery Network)

Một số Bootstrap CDN nổi tiếng với độ ổn định cao: MaxCDN, JSDelivr, cdnjs, ...

1.2.4.6 Cách sử dụng

Bootstrap phân thành nhiều nhóm chức năng khác nhau nhằm phục vụ nhiều mục tiêu khác nhau.

Dưới đây là ví dụ cho một số tính năng phổ biến của Bootstrap, phiên bản được sử dụng cho ví dụ này là Bootstrap 5.2

a/ Container

Container(vùng chứa) là thành phần cơ bản nhất của Bootstrap giúp cho nội dung chứa trong nó có thể tự động "co giãn" sao cho tương thích với từng loại màn hình với nhiều loại kích cỡ khác nhau

| | Extra small <576px | Small ≥576px | Medium ≥768px | Large ≥992px | X-Large ≥1200px | XX-Large ≥1400px |
|-------------------------------|------------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|---------------------------|----------------------------|
| <code>.container</code> | 100% | 540px | 720px | 960px | 1140px | 1320px |
| <code>.container-sm</code> | 100% | 540px | 720px | 960px | 1140px | 1320px |
| <code>.container-md</code> | 100% | 100% | 720px | 960px | 1140px | 1320px |
| <code>.container-lg</code> | 100% | 100% | 100% | 960px | 1140px | 1320px |
| <code>.container-xl</code> | 100% | 100% | 100% | 100% | 1140px | 1320px |
| <code>.container-xxl</code> | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 1320px |
| <code>.container-fluid</code> | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |

Hình 1.4: Kích thước các vùng chứa

b/ Grid

Grid (Lưới) được Bootstrap xây dựng sẵn với các cột và dòng được thiết đặt sẵn sao cho phù hợp với từng loại màn hình thiết bị

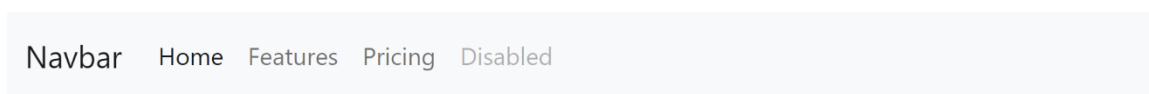
Bootstrap sử dụng phương pháp chia màn hình ra làm 12 phần bằng nhau. Mỗi khi người dùng muốn sử dụng một phần thay vì phủ đầy toàn bộ màn hình, người dùng chỉ cần nhóm chúng lại với nhau để tạo thành vùng chứa với kích thước như mong muốn

| | xs <576px | sm ≥576px | md ≥768px | lg ≥992px | xl ≥1200px | xxl ≥1400px |
|-----------------------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|----------------------|-----------------------|
| Container <i>max-width</i> | None (auto) | 540px | 720px | 960px | 1140px | 1320px |
| Class prefix | <i>.col-</i> | <i>.col-sm-</i> | <i>.col-md-</i> | <i>.col-lg-</i> | <i>.col-xl-</i> | <i>.col-xxl-</i> |

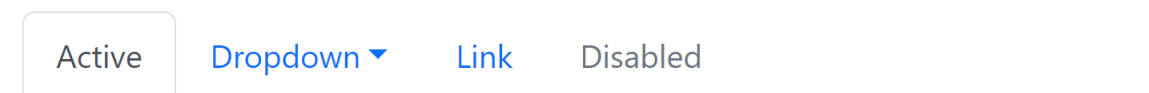
Hình 1.5: 6 cấp lưới được Bootstrap 5 hỗ trợ

c/ Navigation Bar (Navbar)

Đây là công cụ cho phép người dùng tạo ngay thanh Menu ngang trên đầu trang web mà không cần sử dụng một đoạn mã CSS thủ công nào



Hình 1.6: Thiết kế Menu đơn giản dùng Bootstrap Navbar



Hình 1.7: Thiết kế Menu dùng Bootstrap Navbar có Dropdown

d/ Xem thêm tính năng trên: <https://getbootstrap.com/docs/5.2/getting-started/introduction/>

1.2.5 JQuery

1.2.5.1 Khái niệm:

jQuery là một thư viện JavaScript nhanh, nhỏ và nhiều tính năng. Nó làm cho việc thao tác và duyệt tài liệu HTML, xử lý sự kiện, hoạt ảnh, Ajax trở nên đơn giản hơn nhiều và tương thích với nhiều trình duyệt. Với sự kết hợp giữa tính linh hoạt và khả năng mở rộng, jQuery đã thay đổi cách mà hàng triệu người viết JavaScript.

jQuery được tin tưởng và chọn sử dụng bởi nhiều tổ chức trên thế giới như IBM, Microsoft, Google, ...

1.2.5.2 Lịch sử phát triển:

jQuery ban đầu được tạo ra vào tháng 1 năm 2006 tại BarCamp NYC bởi John Resig, chịu ảnh hưởng của thư viện cssQuery trước đó của Dean Edwards. Hiện nay, nó

được duy trì bởi một nhóm các nhà phát triển do Timmy Willison dẫn đầu (với công cụ chọn jQuery, Sizzle, do Richard Gibson lãnh đạo).

Kể từ khi phát hành cho đến nay, mức độ phổ biến của jQuery luôn tăng dần qua từng năm:

Năm 2015, jQuery được sử dụng trên 62,7% trong số 1 triệu trang web hàng đầu (theo BuiltWith) và 17% được sử dụng bởi nhiều trang web khác trên Internet.

Năm 2017, jQuery được sử dụng trên 69,2% trong số 1 triệu trang web hàng đầu (theo Libscore).

Năm 2019, jQuery được sử dụng trên 80% trong số 1 triệu trang web hàng đầu (theo BuiltWith) và 74,1% trong số 10 triệu trang hàng đầu (theo W3Techs).

Tính đến tháng 4 năm 2021, jQuery được 77,8% trong số 10 triệu trang web hàng đầu sử dụng (theo W3Techs).

| Phiên bản | Phát hành lần đầu |
|------------------|--------------------------|
| 1.0 | August 26, 2006 |
| 1.1 | January 14, 2007 |
| 1.2 | September 10, 2007 |
| 1.3 | January 14, 2009 |
| 1.4 | January 14, 2010 |
| 1.5 | January 31, 2011 |
| 1.6 | May 3, 2011 |
| 1.7 | November 3, 2011 |

| Phiên bản | Phát hành lần đầu |
|------------------|--------------------------|
| 1.8 | August 9, 2012 |
| 1.9 | January 15, 2013 |
| 1.10 | May 24, 2013 |
| 1.11 | January 24, 2014 |
| 1.12 | January 8, 2016 |
| 2.0 | April 18, 2013 |
| 2.1 | January 24, 2014 |
| 2.2 | January 8, 2016 |
| 3.0 | June 9, 2016 |
| 3.1 | July 7, 2016 |
| 3.2 | March 16, 2017 |
| 3.3 | January 19, 2018 |
| 3.4 | April 10, 2019 |
| 3.5 | April 10, 2020 |
| 3.6 | March 2, 2021 |

Bảng 1.2: Lịch sử phát triển của JQuery

1.2.5.3 Cách thức hoạt động:

jQuery sử dụng Selector để tham chiếu đến phần tử của trang web

Cách thức sử dụng Selector tương tự như Selector trong phần CSS

1.2.5.4 Ưu, nhược điểm:

Ưu điểm:

- + Dễ sử dụng nếu bạn có kinh nghiệm dùng Javascript.
- + Khả năng xử lý, tối ưu code rất mạnh, nhanh và có thể mở rộng.
- + Giúp lập trình viên viết mã chức năng với các dòng code ngắn, đơn giản và tối ưu nhất.
- + Tương thích với nhiều trình duyệt web hiện hành.
- + Khả năng chỉnh sửa dễ dàng, nhanh chóng mà không cần phải tạm dừng website

Khuyết điểm:

- + Vẫn còn nhiều chức năng chưa được phát triển
- + Lạm dụng JQuery sẽ làm giảm hiệu suất website

1.2.5.5 Cách sử dụng

a/ Cài đặt:

Để sử dụng jQuery, ta có 2 cách:

Cách 1: Tải thư viện jQuery trực tiếp từ trang jquery.com

Cách 2: Sử dụng CDN (Content Delivery Network) phổ biến như Google, Microsoft, cdnjs, ...

b/ Tham chiếu thư viện:

Để sử dụng thư viện jQuery, ta cần phải tham chiếu đến tệp jQuery bằng cặp tag `<script>`, `</script>` được đặt trong phần `<head>`, `</head>`

```
<html>  
  <head>  
    <script src="https://ajax.googleapis.com/ajax/libs/jquery/3.6.0/jquery.min.js"></script>  
  </head>  
</html>
```

Hình 1.8: Cú pháp tham chiếu thư viện jQuery

c/ Khai báo:

Sau khi đã tham chiếu đến thư viện jQuery, ta cần khai báo sử dụng jQuery.

Có 2 cách để khai báo sử dụng jQuery:

- Khai báo trực tiếp trong cặp tag <script>, </script> đặt trong phần <head>, </head>
- Khai báo gián tiếp trong cặp tag <script>, </script> và tham chiếu nó bằng đường dẫn đến tệp javascript với phần mở rộng là js

d/ Cú pháp :

+ Để sử dụng, ta có cú pháp cơ bản sau:

```
<script>
    $(document).ready(function(){
        $("button").click(function () {
            $("p").hide();
        });
    });
</script>
```

Hình 1.9: Cú pháp JQuery đơn giản

Trong đó:

- Đoạn code được bao bọc trong cặp tag <script>, </script>
- Dòng lệnh thứ 2 cho phép thực thi đoạn script khi nội dung tài liệu HTML được tải đầy đủ và trở nên sẵn sàng
- Dòng lệnh thứ 3 cho phép jQuery bắt sự kiện khi người dùng click chuột
- Dòng lệnh thứ 4 chỉ định cho jQuery ẩn đi toàn bộ tag <p>

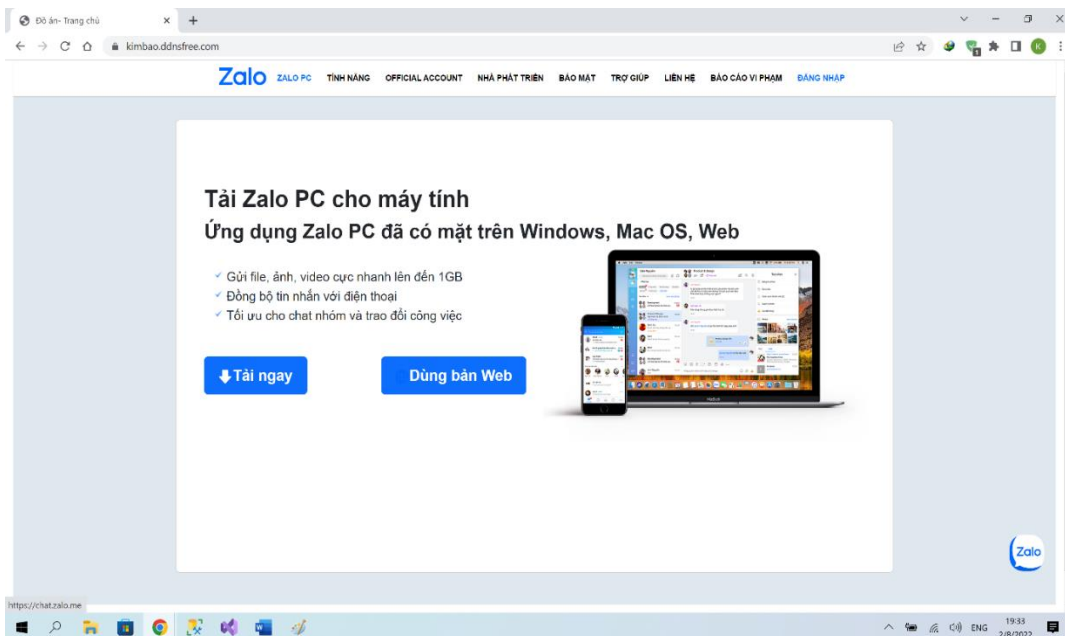
CHƯƠNG II: PHÂN TÍCH CẤU TRÚC VÀ XÂY DỰNG WEBSITE

Để áp dụng những kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống, em đã xây dựng, thiết kế website cho bản thân dựa trên website của Zalo tại địa chỉ <https://zalo.me>

Mọi tệp tin website được lưu trữ trên Hosting và được truyền tải thông qua domain name (tên miền) <https://kimbao.ddnsfree.com>

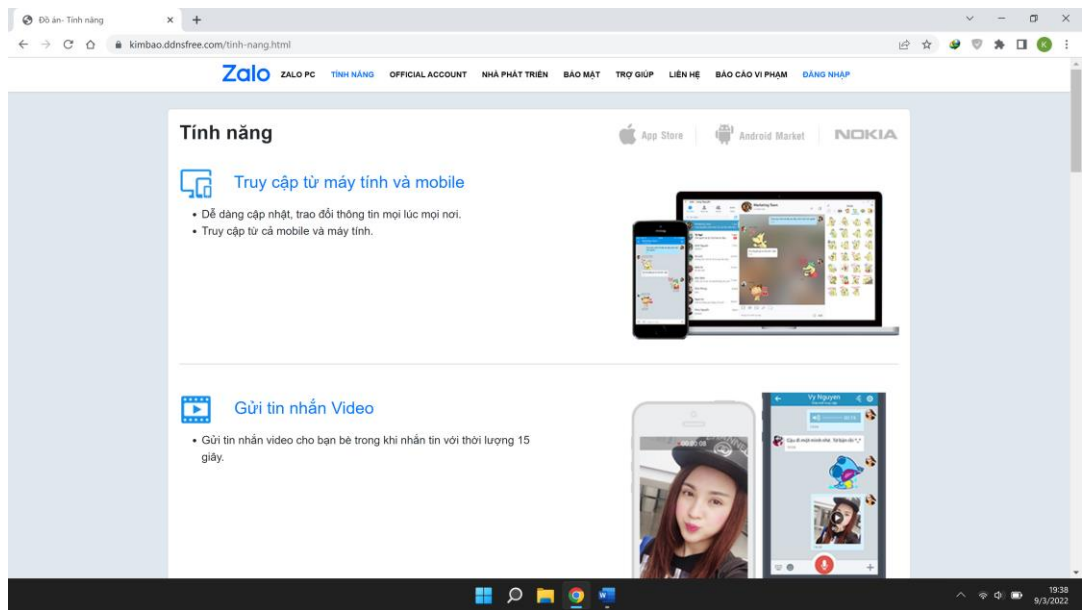
2.1 Giao diện các trang

a/ Trang chủ



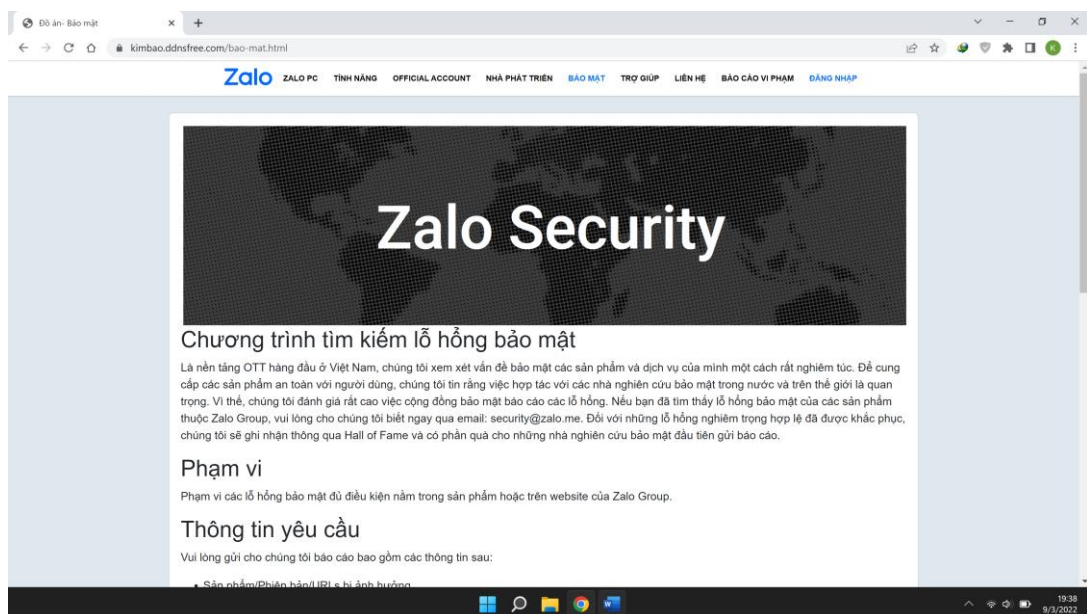
Hình 2.1 Trang chủ

b/ Trang tính năng



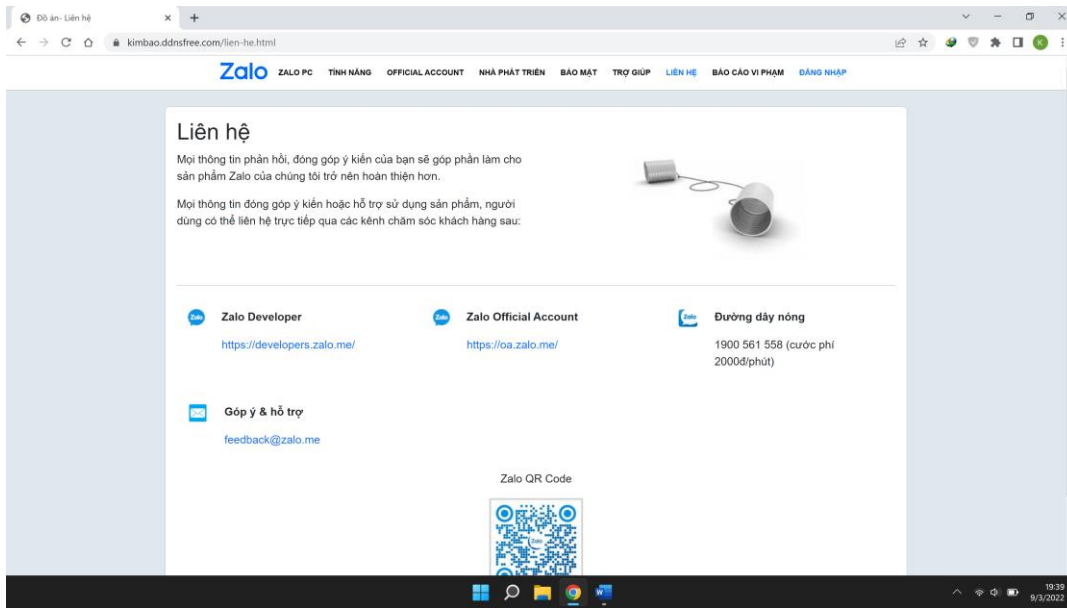
Hình 2.2: Trang tính năng

c/ Trang bảo mật



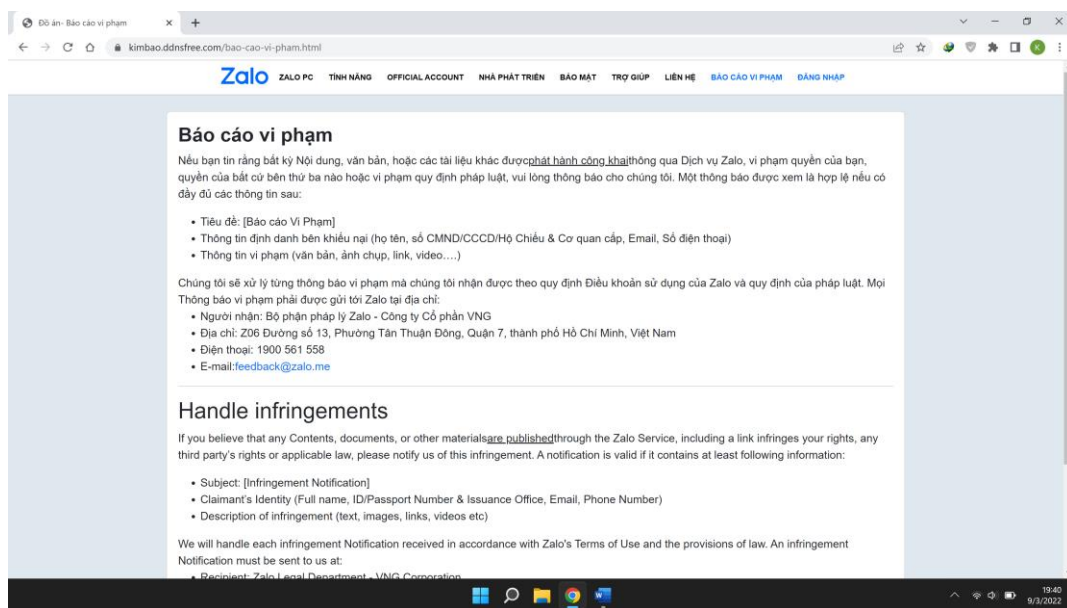
Hình 2.3: Trang bảo mật

d/ Trang liên hệ



Hình 2.4: Trang liên hệ

e/ Trang báo cáo vi phạm



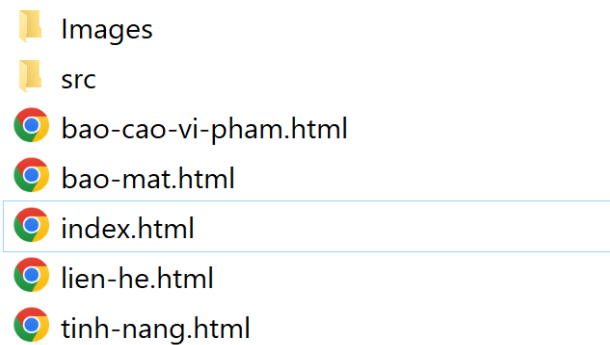
Hình 2.5: Trang báo cáo vi phạm

2.2 Cấu trúc lưu trữ

Nhằm nâng cao khả năng nhận biết, phân tích, cũng như dễ dàng sử dụng, chỉnh sửa sau này, em đã xây dựng cấu trúc thư mục lưu trữ hợp lý, chặt chẽ, có tổ chức như sau:

- Thư mục mẹ (public) sẽ chứa các thư mục con gồm nhiều thành phần cần thiết để xây dựng website

- Thư mục Images chứa các hình ảnh, icon, ... của trang web.
- Thư mục src được chia làm nhiều thư mục con như css, js,... để chứa các tập lệnh, thư viện ứng với từng thư mục.

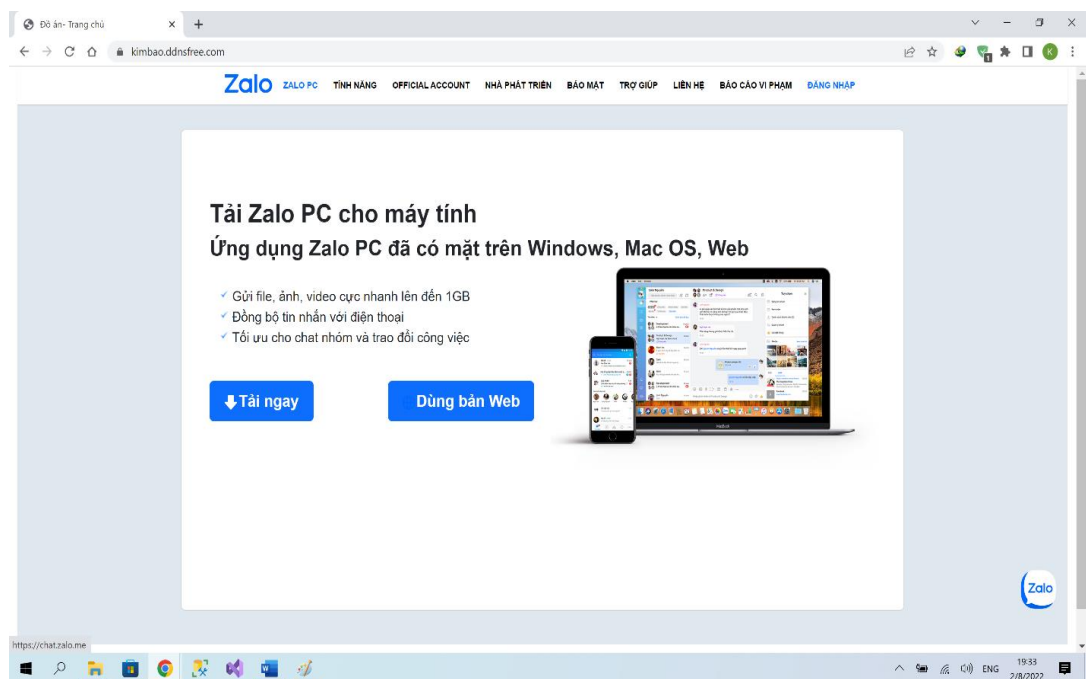


Hình 2.6: Sơ đồ tổ chức thư mục website

2.3 Cấu trúc trang web

2.3.1 Trang chủ

Trang chủ (ZALO PC) của em chia làm 3 phần khác nhau:



Hình 2.7: Trang chủ

a/ Menu:

Hình 2.8: Thanh Menu

+ Chức năng: giúp người dùng có thể chuyển hướng đến trang web mình muốn nhanh chóng, dễ dàng hơn

+ Gồm có 1 Logo của Zalo và nhiều liên kết con được đặt trong cặp tag để liệt kê các trang web mà người dùng muốn truy cập

+ Chi tiết các mục:

Mục 1: ZALO PC

Khi click chuột, trình duyệt sẽ chuyển hướng đến trang <https://kimbao.ddnsfree.com>. Đây là trang chủ, giúp người dùng tải phần mềm Zalo PC chính thống hoặc chuyển hướng đến trang sử dụng Zalo ngay trên trình duyệt một cách dễ dàng

Mục 2: TÍNH NĂNG

Khi click chuột, trình duyệt sẽ chuyển hướng đến trang <https://kimbao.ddnsfree.com/chuc-nang.html>. Đây là trang giới thiệu giúp người dùng có cái nhìn tổng quan về chức năng cũng như cách thức hoạt động của Zalo

Mục 3: OFFICIAL ACCOUNT

Khi người dùng click chuột, trình duyệt sẽ chuyển hướng người dùng đến trang web có liên kết <https://oa.zalo.me>. Đây là trang chính thống của Zalo giúp người dùng kết nối, trò chuyện với nhau dễ dàng hơn

Mục 4: NHÀ PHÁT TRIỂN

Khi người dùng click chuột, trình duyệt sẽ chuyển hướng đến trang web <https://developer.zalo.me>. Đây là trang chính thống của Zalo giúp cho người lập trình, người phát triển website truy cập các API (Application Programming Interface) do Zalo thiết kế

Mục 5: BẢO MẬT

Khi click chuột, trình duyệt sẽ chuyển hướng đến trang <https://kimbao.ddnsfree.com/bao-mat.html> . Đây là trang giới thiệu về chương trình tìm kiếm lỗ hổng bảo mật của Zalo cũng như thông tin liên hệ để báo cáo cho đội ngũ phát triển của Zalo khi người dùng phát hiện lỗ hổng

Mục 6: TRỢ GIÚP

Khi người dùng click chuột, trình duyệt sẽ chuyển hướng người dùng đến trang web có liên kết <https://help.zalo.me> . Đây là trang chính thống của Zalo giúp người dùng khắc phục vấn đề đang mắc phải

Mục 7: LIÊN HỆ

Khi click chuột, trình duyệt sẽ chuyển hướng đến trang <https://kimbao.ddnsfree.com/lien-he.html> . Đây là trang mà người dùng nhận được thông tin liên hệ của Zalo khi có thắc mắc

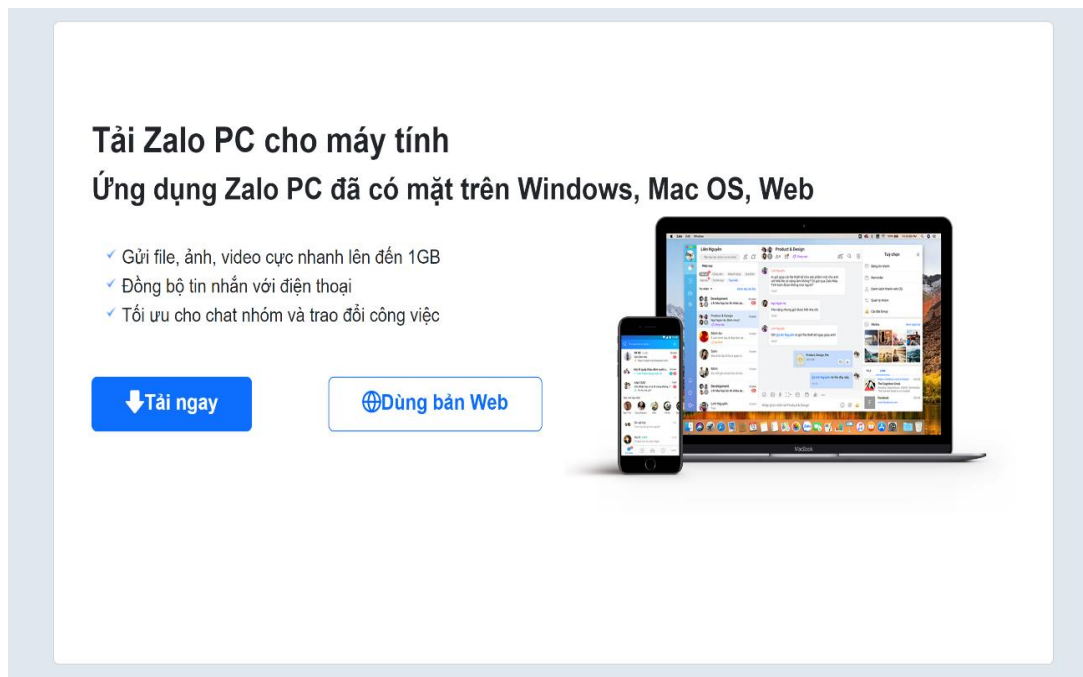
Mục 8: BÁO CÁO VI PHẠM

Khi click chuột, trình duyệt sẽ chuyển hướng đến trang <https://kimbao.ddnsfree.com/bao-cao-vi-pham.html> . Đây là trang mà người dùng nhận được thông tin liên hệ của Zalo khi có trang web vi phạm bản quyền

Mục 9: ĐĂNG NHẬP

Khi click chuột, trình duyệt sẽ chuyển hướng đến trang <https://id.zalo.me> . Đây là trang chính thống giúp người dùng đăng nhập bằng mã QR hoặc Số điện thoại dễ dàng

b/ Nội dung:



Hình 2.9: Nội dung của trang chủ

Được chia làm 3 phần: Tiêu đề và 1 hàng (row) chia làm 2 cột (col) Trái và Phải

+ Tiêu đề: Gồm 2 cặp tag <h2>, </h2> và <h3>, </h3> biểu thị nội dung chào mừng

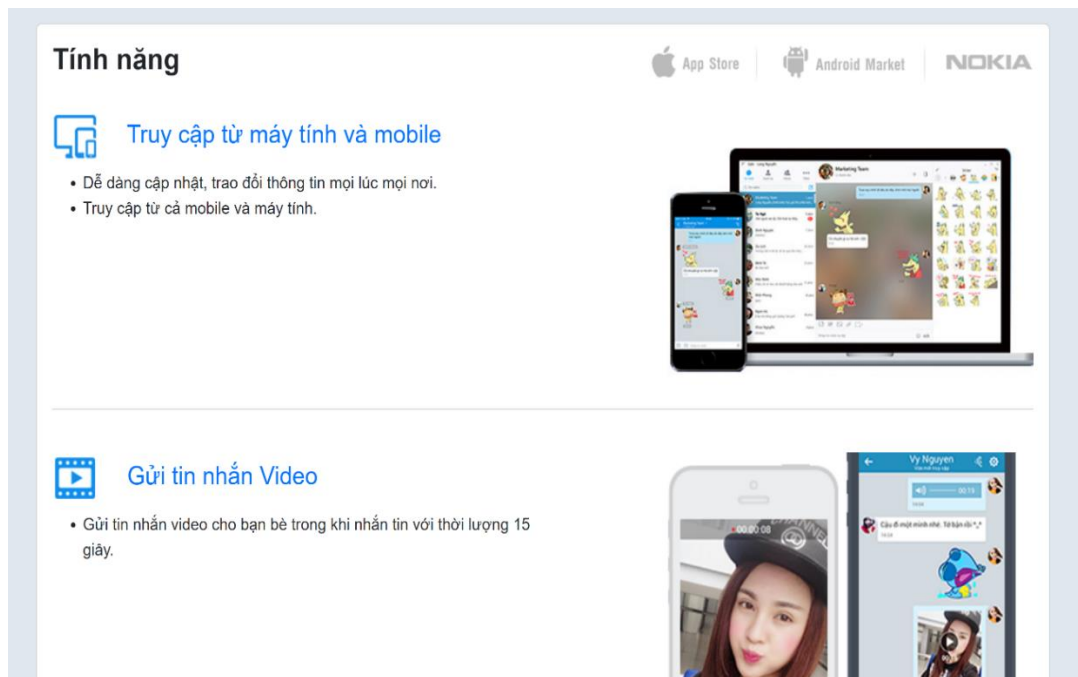
+ Cột Trái: Giới thiệu một loạt các tính năng nổi bật với 3 dòng thông tin, dùng cặp tag , và , và 2 nút tính năng được biểu diễn bằng cặp tag <a>, với class="btn"

+ Cột Phải: Hình ảnh Laptop

Chân trang:

Gồm 1 dòng thông tin được biểu thị bằng cặp tag <p> , </p> và được căn giữa. Hiện thị thông tin bản quyền trang web

2.3.2 Tính năng



Hình 2.10: Nội dung của trang tính năng

Tại phần này, em đã chia trang web ra làm 3 phần:

a/ Menu: Sử dụng lại phần Menu đã xây dựng ở Trang chủ

b/ Nội dung:

Phần nội dung được chia làm 2 cột (col) Trái và Phải bằng nhau. Từng mảng nội dung sẽ đặt trong cặp tag <row>, </row>

+ Cột trái: Hiển thị thông tin gồm Tiêu đề và một số đoạn văn giới thiệu tính năng

+ Cột phải: Hiển thị hình ảnh minh họa tương ứng với nội dung bên trái

c/ Chân trang: Sử dụng lại phần Chân trang đã có ở Trang chủ

2.3.3 Bảo mật



Hình 2.11: Nội dung của trang bảo mật

Tại phần Bảo mật này, em đã chia bố cục trang web làm 3 phần:

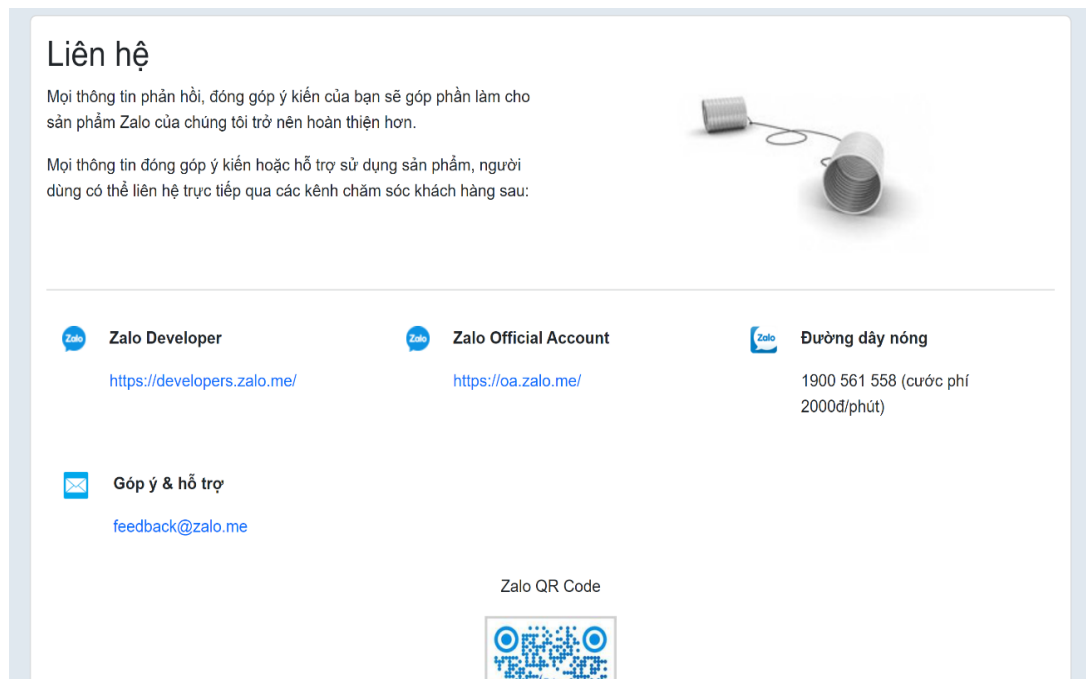
a/ Menu : Sử dụng lại Menu đã có ở Trang chủ

b/ Nội dung:

Tại phần nội dung, em đã chia thành nhiều mảng nội dung. Từng mảng được đặt trong cặp tag <row>, </row> với các dòng tiêu đề, đoạn văn, hình ảnh được đặt trong đó

c/ Chân trang: Sử dụng lại phần Chân trang đã có ở Trang chủ

2.3.4 Liên hệ



Hình 2.12: Nội dung của trang Liên hệ

Tại phần Liên hệ, em đã chia bố cục trang web làm 3 phần:

a/ Menu : Sử dụng lại Menu đã có ở Trang chủ

b/ Nội dung:

Tại phần nội dung, em đã chia thành 2 mảng row lớn

+ Mảng 1: Ở mảng này, em đã chia bố cục làm 2 cột (col) Trái, Phải đều nhau

Cột Trái: chứa tiêu đề, nội dung giới thiệu, ...

Cột Phải: chứa hình ảnh minh họa tương ứng

+ Mảng 2: Tại đây, em chia bố cục làm 2 row nhỏ hơn. Ở mỗi row, em chia làm 3 cột (col) đều nhau

Mỗi cột sẽ chứa Tiêu đề, nội dung liên hệ cũng như hình ảnh tương ứng

c/ Chân trang: Sử dụng lại phần Chân trang đã có ở Trang chủ

2.3.5 Báo cáo vi phạm

Báo cáo vi phạm

Nếu bạn tin rằng bất kỳ Nội dung, văn bản, hoặc các tài liệu khác được phát hành công khai thông qua Dịch vụ Zalo, vi phạm quyền của bạn, quyền của bất cứ bên thứ ba nào hoặc vi phạm quy định pháp luật, vui lòng thông báo cho chúng tôi. Một thông báo được xem là hợp lệ nếu có đầy đủ các thông tin sau:

- Tiêu đề: [Báo cáo Vi Phạm]
- Thông tin định danh bên khiếu nại (họ tên, số CMND/CCCD/Hộ Chiếu & Cơ quan cấp, Email, Số điện thoại)
- Thông tin vi phạm (văn bản, ảnh chụp, link, video....)

Chúng tôi sẽ xử lý từng thông báo vi phạm mà chúng tôi nhận được theo quy định Điều khoản sử dụng của Zalo và quy định của pháp luật. Mọi Thông báo vi phạm phải được gửi tới Zalo tại địa chỉ:

- Người nhận: Bộ phận pháp lý Zalo - Công ty Cổ phần VNG
- Địa chỉ: Z06 Đường số 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: 1900 561 558
- E-mail: feedback@zalo.me

Handle infringements

If you believe that any Contents, documents, or other materials are published through the Zalo Service, including a link infringes your rights, any third party's rights or applicable law, please notify us of this infringement. A notification is valid if it contains at least following information:

- Subject: [Infringement Notification]
- Claimant's Identity (Full name, ID/Passport Number & Issuance Office, Email, Phone Number)
- Description of infringement (text, images, links, videos etc)

Hình 2.13: Nội dung của trang Báo cáo vi phạm

Tại phần Bảo mật này, em đã chia bố cục trang web làm 3 phần:

a/ Menu : Sử dụng lại Menu đã có ở Trang chủ

b/ Nội dung:

Phần nội dung này chứa các dòng tiêu đề, đoạn văn chứa thông tin liên hệ ứng với mục đích của trang

c/ Chân trang: Sử dụng lại phần Chân trang đã có ở Trang chủ

CHƯƠNG III: MÔ TẢ KỊCH BẢN SỬ DỤNG ĐỐI VỚI WEBSITE

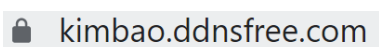
3.1 Nhu cầu người dùng

3.1.1 Tải Zalo cho PC

Khi muốn tải phần mềm Zalo Setup, trước hết người dùng cần phải:

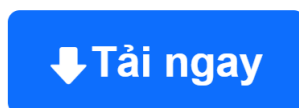
Bước 1: Tại thanh địa chỉ của trình duyệt, người dùng truy cập vào liên kết:

<https://kimbao.ddnsfree.com>



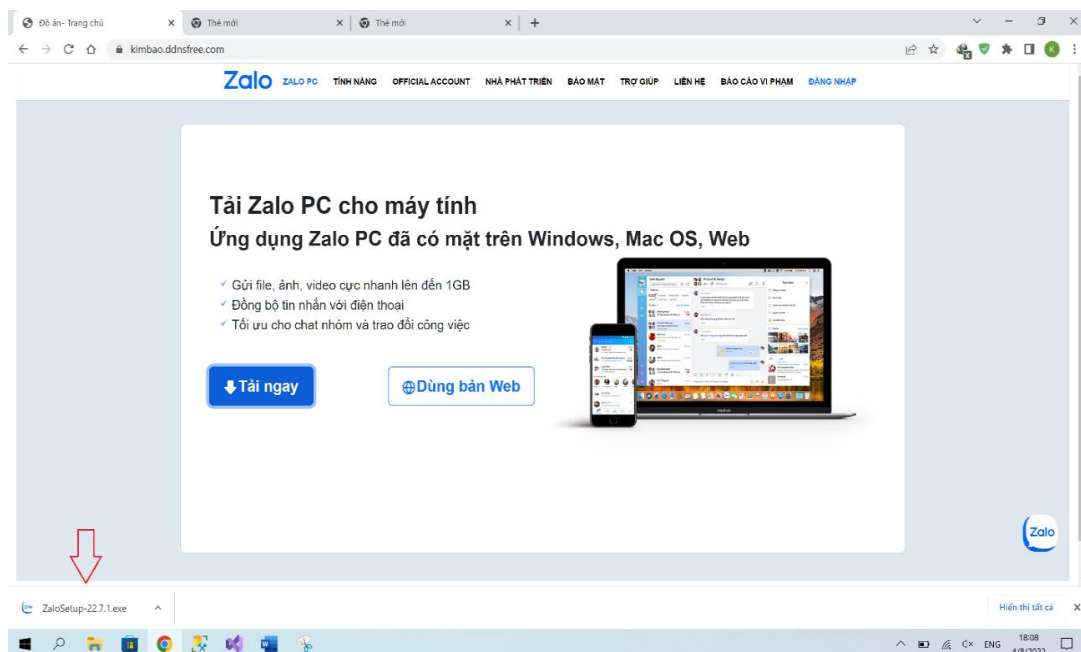
Hình 3.1: Liên kết website

Bước 2: Tại trang chủ của website, người dùng click chuột trái vào nút Tải ngay để tải phần mềm Zalo Setup



Hình 3.2: Nút Tải ngay

Bước 3: Bên dưới cửa sổ trình duyệt, người dùng kiểm tra tệp tin Zalo Setup tải về đã thành công hay chưa. Nếu đã thành công, người dùng mở tệp tin và cài đặt vào máy tính của mình. Ngược lại, người dùng cần thực hiện lại từ Bước 2.

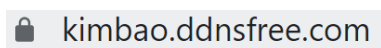


Hình 3.3: Tập tin cài đặt đã được tải về máy

3.1.2 Truy cập Zalo trực tiếp trên web

Khi muốn truy cập Zalo trực tiếp trên web thay vì tải tập tin cài đặt về máy, trước hết người dùng cần phải:

Bước 1: Tại thanh địa chỉ của trình duyệt, người dùng truy cập vào liên kết: <https://kimbao.ddnsfree.com>



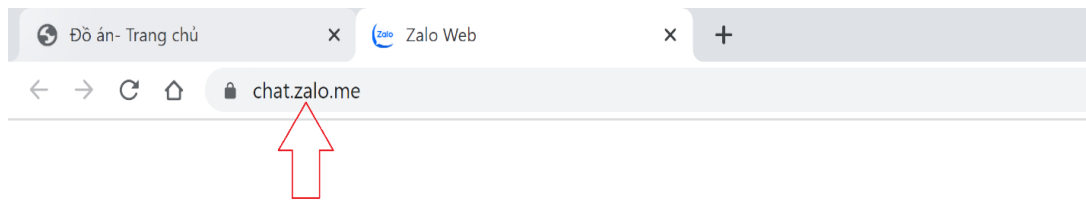
Hình 3.4: Liên kết website

Bước 2: Tại trang chủ của website, người dùng click chuột trái vào nút Dùng bản web để chuyển hướng đến trang sử dụng Zalo trực tiếp tại địa chỉ <https://chat.zalo.me>



Hình 3.5: Nút chuyển hướng dùng Zalo trực tiếp trên trình duyệt

Bước 3: Kiểm tra thanh địa chỉ của trình duyệt để chắc rằng người dùng đã chuyển hướng thành công



Zc


Hình 3.6: Liên kết chuyển hướng chat.zalo.me

3.1.3 Tìm hiểu sơ lược tính năng

Khi muốn tìm hiểu khái quát, sơ lược về một số tính năng, người dùng cần:

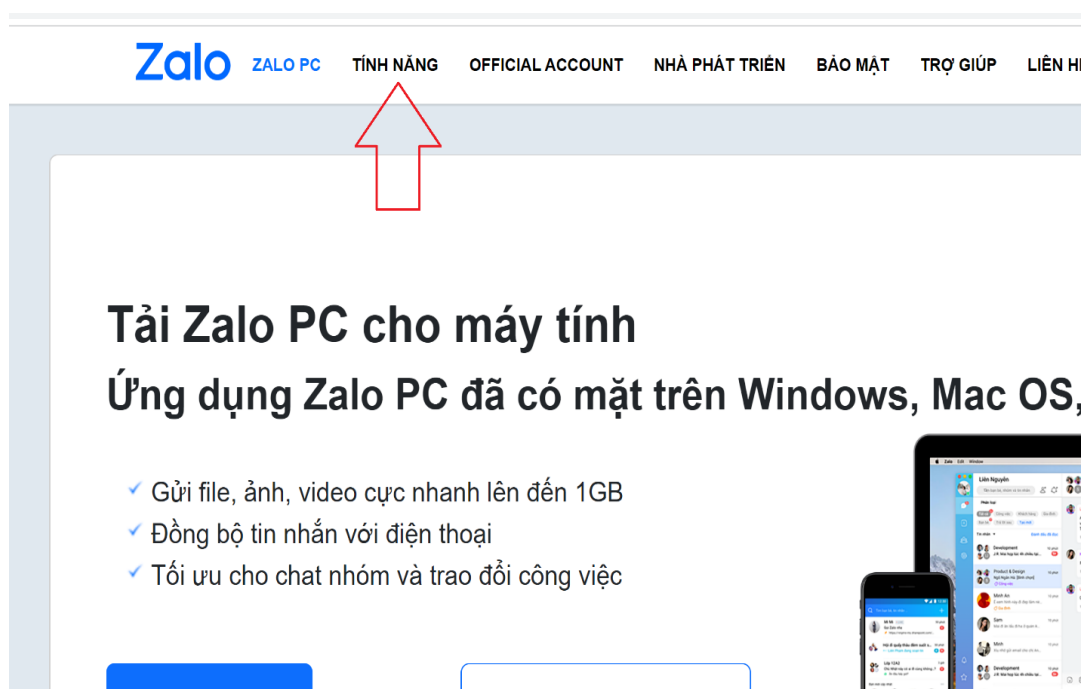
Bước 1: Tại thanh địa chỉ của trình duyệt, người dùng truy cập vào liên kết:

<https://kimbao.ddnsfree.com>

 kimbao.ddnsfree.com

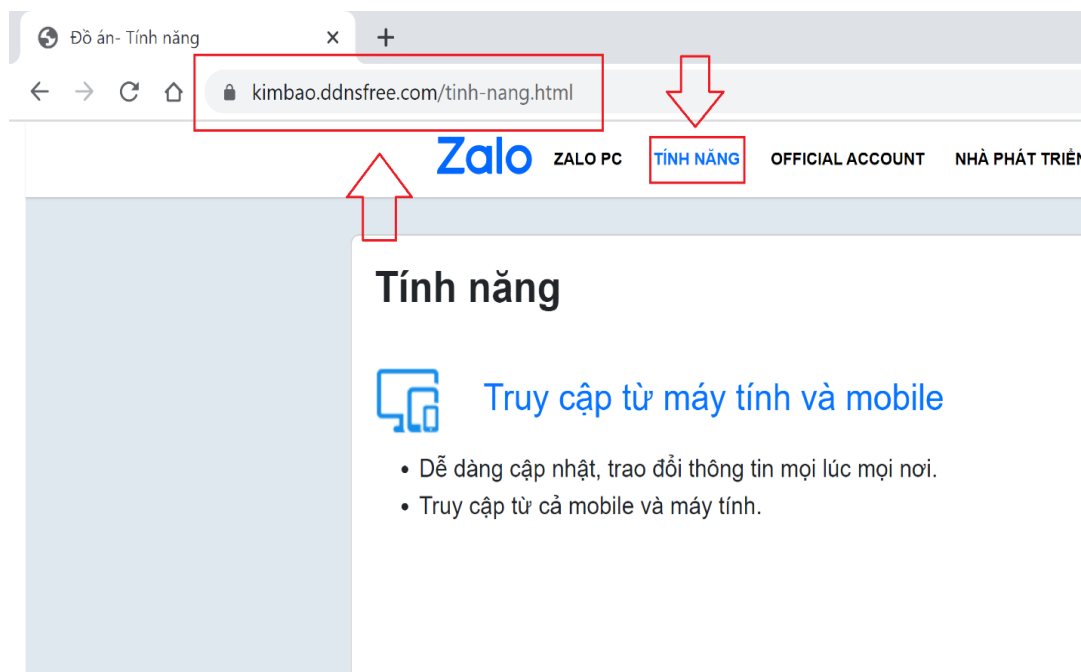
Hình 3.7: Liên kết website

Bước 2: Tại thanh Menu, người dùng click chuột mục Tính năng



Hình 3.8: Người dùng click chọn mục Tính năng

Bước 3: Tại thanh Menu, nếu mục Tính năng chuyển sang màu xanh và trên thanh địa chỉ có đường liên kết <https://kimbao.ddnsfree.com/tinh-nang.html> tức là đã chuyển hướng thành công

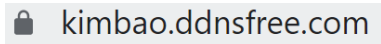


Hình 3.9: k/t mục Tính năng và liên kết chuyển hướng là chính xác

3.1.4 Truy cập OFFICIAL ACCOUNT chính thống

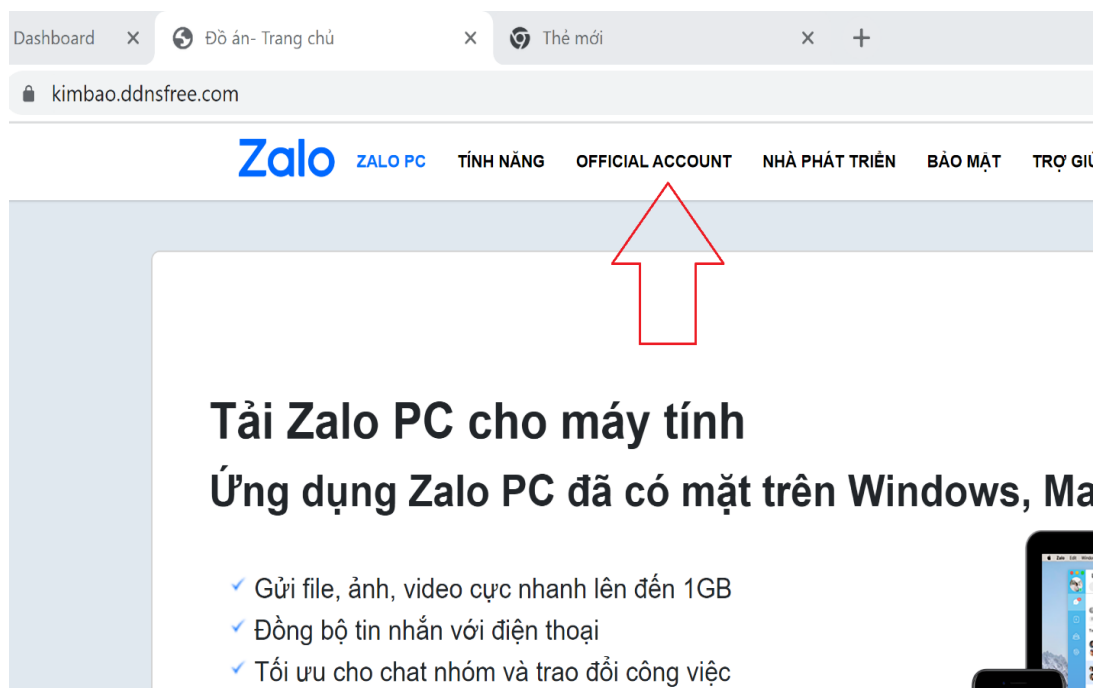
Khi người dùng muốn truy cập vào trang office account chính thống của Zalo, trước hết người dùng cần phải:

Bước 1: Tại thanh địa chỉ của trình duyệt, người dùng nhập liên kết: <https://kimbao.ddnsfree.com>



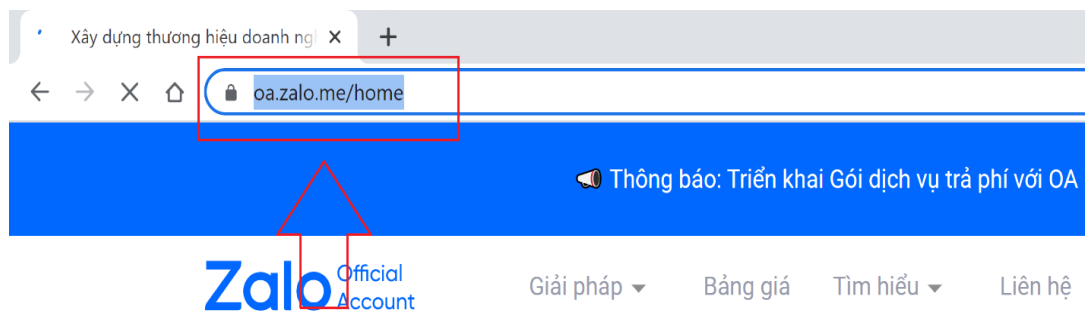
Hình 3.10: Liên kết website

Bước 2: Tại thanh Menu, người dùng click chuột trái, chọn mục OFFICIAL ACCOUNT



Hình 3.11: Người dùng click chọn mục OFFICIAL ACCOUNT

Bước 3: Trên thanh địa chỉ của trình duyệt hiện liên kết <https://oa.zalo.me> tức là chuyển hướng thành công.



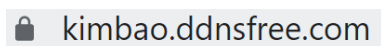
Xây dựng thương hiệu doanh nghiệp trên Zalo với Official Account

Hình 3.12: k/t liên kết đã chuyển hướng là chính xác

3.1.5 Truy cập trang dành cho nhà phát triển

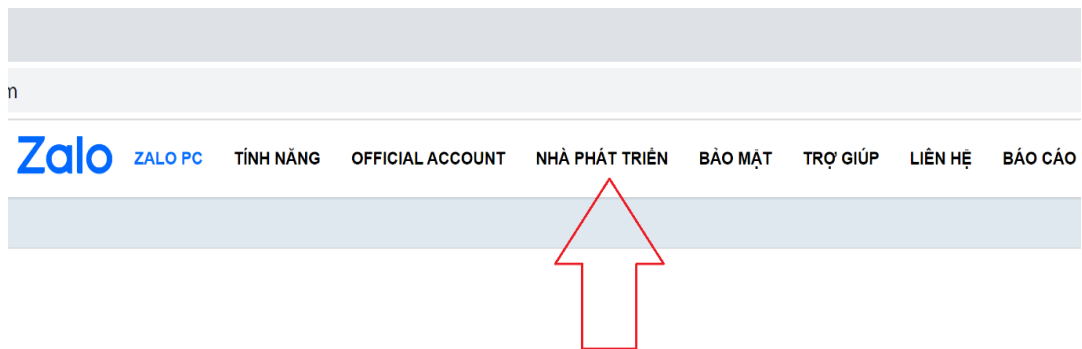
Khi người dùng muốn truy cập vào trang office account chính thống của Zalo, trước hết người dùng cần phải:

Bước 1: Tại thanh địa chỉ của trình duyệt, người dùng nhập liên kết: <https://kimbao.ddnsfree.com>



Hình 3.13: Liên kết website

Bước 2: Tại thanh Menu, người dùng click chuột trái, chọn mục NHÀ PHÁT TRIỂN



Tải Zalo PC cho máy tính

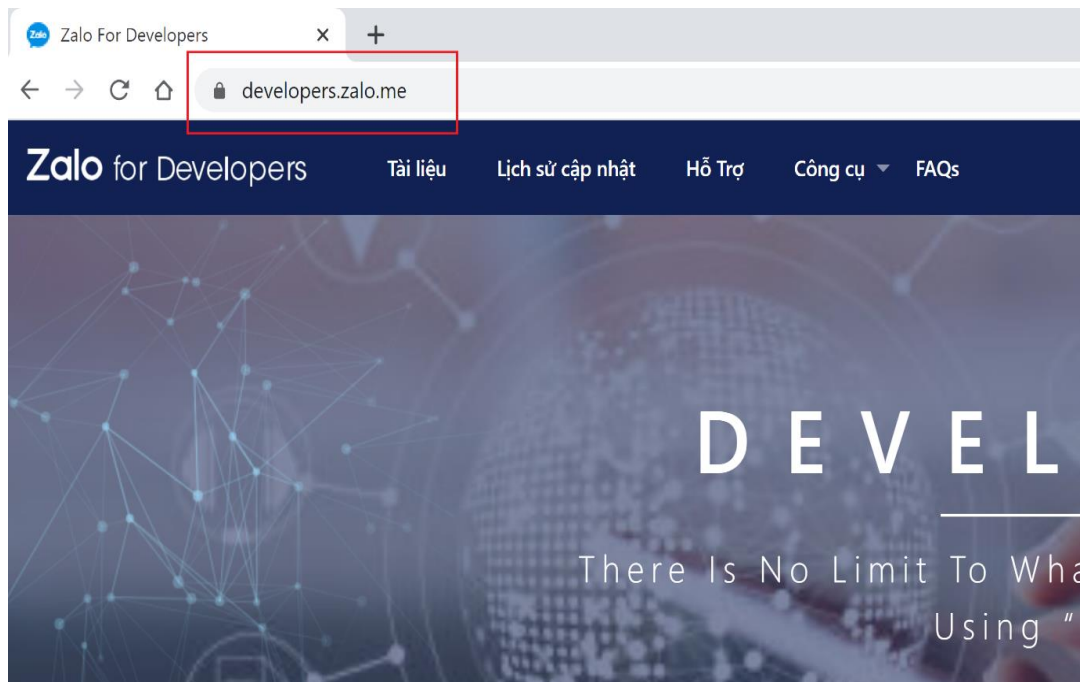
Ứng dụng Zalo PC đã có mặt trên Windows, Mac OS, Web

- ✓ Gửi file, ảnh, video cực nhanh lên đến 1GB
- ✓ Đồng bộ tin nhắn với điện thoại
- ✓ Tối ưu cho chat nhóm và trao đổi công việc



Hình 3.14: Người dùng click chọn mục Nhà phát triển

Bước 3: Trên thanh địa chỉ của trình duyệt hiện liên kết <https://developers.zalo.me> tức là chuyển hướng thành công.

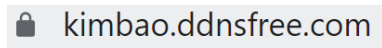


Hình 3.15: k/t liên kết đã chuyển hướng là chính xác

3.1.6 Đọc các điều khoản bảo mật

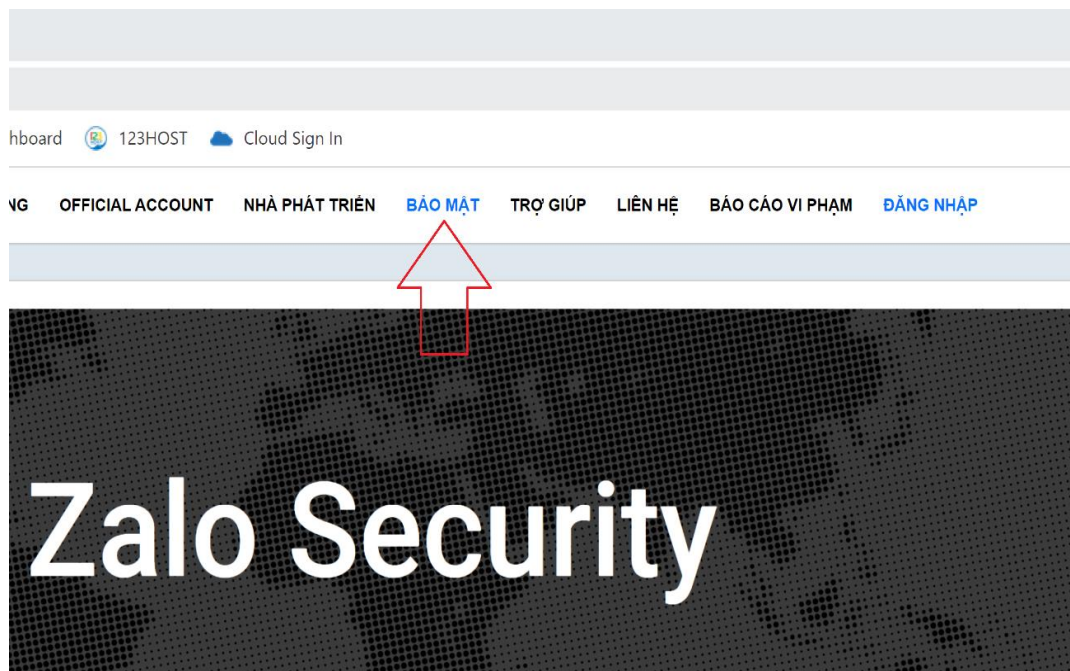
Khi người dùng muốn đọc các điều khoản bảo mật của Zalo, trước hết người dùng cần phải

Bước 1: Tại thanh địa chỉ của trình duyệt, người dùng nhập liên kết: <https://kimbao.ddnsfree.com>



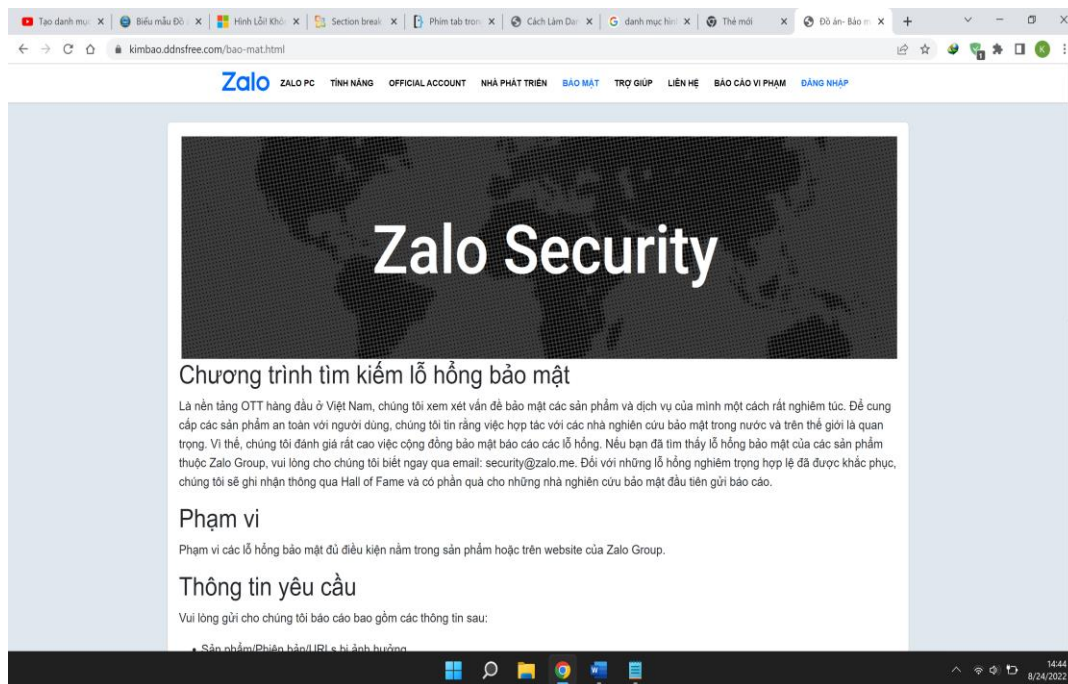
Hình 3.16: Liên kết website

Bước 2: Tại thanh Menu, người dùng click chuột trái, chọn mục BẢO MẬT



Hình 3.17: Người dùng click chọn mục Bảo mật

Bước 3: Tại thanh Menu, nếu mục Bảo mật chuyển sang màu xanh và trên thanh địa chỉ có đường liên kết <https://kimbao.ddnsfree.com/bao-mat.html> tức là đã chuyển hướng thành công.




Hình 3.18: k/t mục Bảo mật và liên kết đã chuyển hướng là chính xác

3.1.7 Đọc thông tin liên hệ

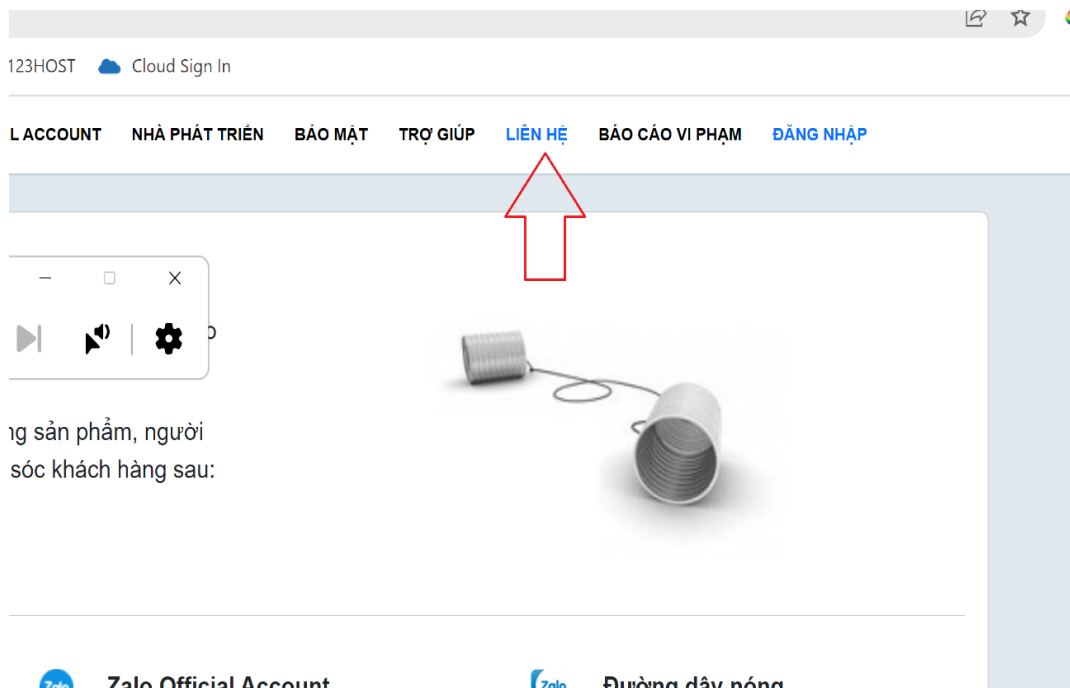
Bước 1: Tại thanh địa chỉ của trình duyệt, người dùng nhập liên kết:

<https://kimbao.ddnsfree.com>

 kimbao.ddnsfree.com

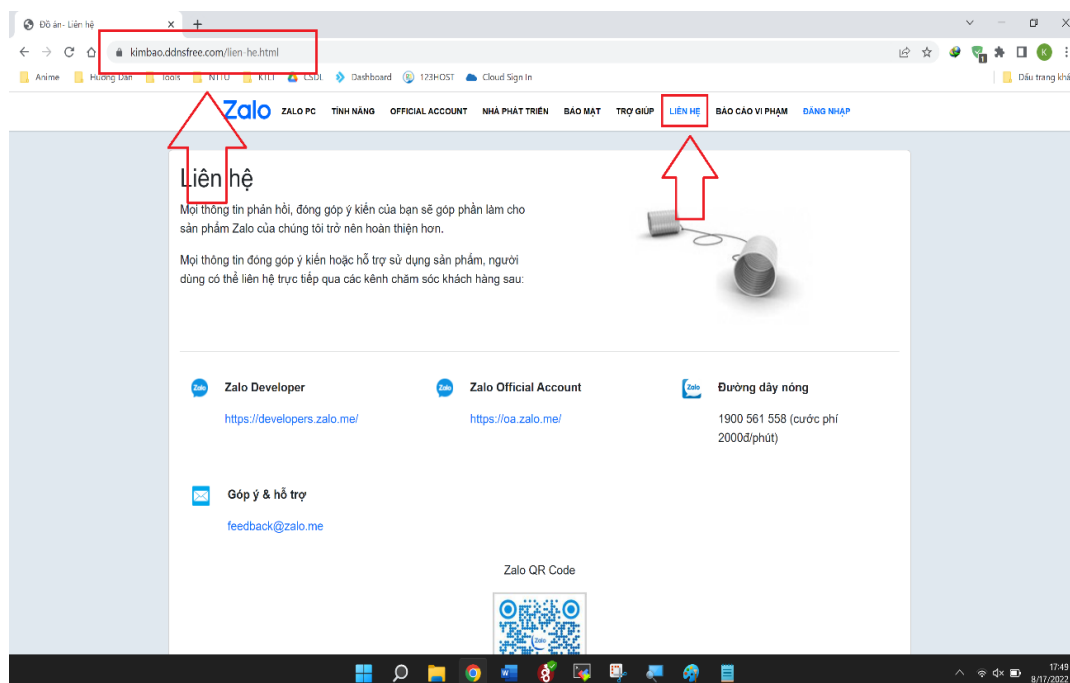
Hình 3.19: Liên kết website

Bước 2: Tại thanh Menu, người dùng click chuột trái, chọn mục Liên hệ



Hình 3.20: Người dùng click chọn mục Liên hệ

Bước 3: Tại thanh Menu, nếu mục Bảo mật chuyển sang màu xanh và trên thanh địa chỉ có đường liên kết <https://kimbao.ddnsfree.com/lien-he.html> và giao diện hiển thị đúng nội dung cần tìm tức là đã chuyển hướng thành công.



Hình 3.21: k/t mục Liên hệ và liên kết đã chuyển hướng là chính xác

CHƯƠNG IV: KẾT LUẬN

4.1 Kết quả đạt được

- Hiểu được nguồn gốc của Internet và World Wide Web
- Hiểu được đặc điểm, cú pháp khai báo, cách sử dụng, ... của từng loại thư viện, ngôn ngữ, framework trong thiết kế website
- Hiểu được một số giải pháp xây dựng website
- Xây dựng được website Zalo hoàn chỉnh cùng với một số tính năng cần thiết để phục vụ người dùng
- Mô tả, phân tích được cấu trúc trang web

4.2 Vấn đề tồn đọng

Ngoài những kết quả đã đạt được như trên thì website vẫn còn một số khuyết điểm cần khắc phục. Ví dụ như:

- Giao diện cứng nhắc, chưa sinh động, không thu hút nhiều người xem
- Mã nguồn trang web chưa tối ưu
- Khó khăn trong việc thay đổi, cập nhật nội dung mà không cần tác động trực tiếp vào tệp mã nguồn
- Khó khăn trong việc nâng cấp, mở rộng sau này bởi khi nâng cấp hầu như phải làm mới lại website
- Tính bảo mật thấp do phải truy cập trực tiếp vào tệp mã nguồn để chỉnh sửa nội dung

4.3 Hướng phát triển

Với những khuyết điểm đã nêu, để website ngày càng hoàn thiện và phù hợp nhu cầu người dùng, em đã có một số ý tưởng nhằm khắc phục nhược điểm trên:

- Sử dụng ngôn ngữ lập trình ASP.NET, PHP, để xây dựng website được tối ưu, dễ dàng nâng cấp sau này
- Sử dụng Javascript hoặc jQuery để website thêm sinh động
- Sử dụng công cụ rút gọn mã CSS, JS, HTML trước khi public lên Internet
- Phân quyền truy cập các tệp mã nguồn website một cách hợp lý trên hệ điều hành

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Slide bài giảng WebLayout của thầy Nguyễn Mai Huy, giảng viên khoa CNTT – Đại học Nguyễn Tất Thành
2. W3schools site, <https://www.w3schools.com/>, 05/09/2022
3. THPanorama site, <https://vi.thpanorama.com/articles/tecnologa/18-ventajas-y-desventajas-del-uso-de-internet.html>, 05/09/2022
4. TopDev site, <https://topdev.vn/blog/>, 05/09/2022
5. Wiki.matbao.net site, <https://wiki.matbao.net/html-la-gi-nen-tang-lap-trinh-web-cho-nguoi-moi-bat-dau/>, 05/09/2022
6. w3 site, <https://www.w3.org/standards/webdesign/htmlcss#whatcss>, 05/09/2022
7. Wikipedia library, <https://vi.wikipedia.org/wiki/CSS>, 05/09/2022
8. Mona site, <https://mona.media/css-la-gi>, 05/09/2022
9. Itnavi site, <https://itnavi.com.vn/blog/css-la-gi>, 05/09/2022
10. Freetuts site, <https://freetuts.net/javascript-la-gi-viet-ung-dung-javascript-dau-tien-263.html>, 05/09/2022
11. Leanhtien site, <https://leanhtien.net/javascript-la-gi-cach-javascript-hoat-dong>, 05/09/2022
12. Bootstrap site, <https://getbootstrap.com/docs/5.2/>, 05/09/2022
13. JQuery site, <https://jquery.com/>, 05/09/2022